

Bản án số: 78/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-10-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.
Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Công Thành.

+ Bà Lê Thị Ngọc Yến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Quyên - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, về tranh chấp “*ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Đ** – sinh năm: 1973 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 24/8/2018).

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã M, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

2. **Bị đơn:** Anh **Phan Văn D** - sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2018 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phan Văn D do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm vào ngày 23/12/2014.

Sau ngày cưới chị và anh D sống chung gia đình cha mẹ chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc được 19 năm đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do tính tình không hợp, thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm, mỗi khi anh D đi nhậu về kiểm chuyện chửi chị, chị không chịu đựng được nên đã bỏ đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh. Chị và anh D đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn D.

- Về con chung: Chị và anh D có hai con chung tên Phan Hoài M, sinh ngày 12/8/1995 và cháu Phan Hoài P, sinh ngày 27/5/1999. Cháu M và cháu P đã thành niên nên chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ và bị đơn anh Phan Văn D thì anh Phan Văn D đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh D không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm. Xét việc vắng mặt của anh D không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 26/6/2018, Giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh (bản sao); Sổ hộ khẩu (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Đơn xin xác nhận; Dịch vụ chuyển phát nhanh; đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn vắng nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Phan Văn D. Theo quy Đ tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Nguyễn Thị Đ có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phan Văn D vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D cũng không đến. Nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ và bị đơn anh Phan Văn D.

[2] Về nội M vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Phan Văn D do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm

vào ngày 23/12/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị Đ trình bày thì anh chị sống hạnh phúc được 19 năm đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm, mỗi khi anh D đi nhậu về chửi chị, chị và anh D không còn sống chung từ năm 2013 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh D, anh D vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Có hai con chung tên Phan Hoài M, sinh ngày 12/8/1995 và cháu Phan Hoài P, sinh ngày 27/5/1999. Cháu M và cháu P đã thành niên chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phan Văn D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phan Văn D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo luật Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Phan Văn D.

Về con chung: Có hai con chung tên Phan Hoài M, sinh ngày 12/8/1995 và cháu Phan Hoài P, sinh ngày 27/5/1999. Cháu M và cháu P đã thành niên chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phan Văn D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phan Văn D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phan Văn D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị Đ đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0009034, ngày 29/6/2018

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Thành Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh